

**NGHỊ QUYẾT**

**Về tình hình kinh tế - xã hội 5 năm (2011 – 2015) và mục tiêu,  
nhiệm vụ chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  
5 năm (2016 – 2020)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG  
KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Sau khi nghe Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội 5 năm (2011 – 2015) và mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 – 2020); Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân và phát biểu giải trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất đánh giá kết quả tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 – 2015), như sau:

Trong bối cảnh kinh tế cả nước còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; thiên tai, dịch bệnh diễn biến bất thường; nhu cầu an sinh phúc lợi xã hội, đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng cao, nhưng nguồn lực còn rất hạn hẹp. Được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, mặc dù còn một số tồn tại, hạn chế nhất định, nhưng nhìn chung tình hình kinh tế - xã hội đã chuyển biến tích cực, phát triển đúng hướng trên các lĩnh vực, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh trong 5 năm (2011 – 2015) cơ bản đạt mục tiêu đề ra, các chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch đề ra.

- Kinh tế tăng trưởng khá, các ngành, lĩnh vực đều có bước phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng; sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng hàng hóa. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hoạt động thương mại - dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được cải thiện ở cả thành thị và nông thôn.

- Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, ... đều có bước phát triển. Đời sống Nhân dân được cải thiện, thực hiện tốt chính sách đối với người có công, giảm nghèo tích cực, an sinh phúc lợi xã hội được đảm bảo.

- Cải cách thủ tục hành chính chuyển biến tích cực. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội ổn định.

Tuy nhiên còn những hạn chế yếu kém:

- Một số kết quả đã đạt được trong 05 năm qua chưa tương xứng với lợi thế, tiềm năng của tỉnh; chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao và thiếu bền vững, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm; khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Về việc kêu gọi đầu tư xây dựng, cải tạo chợ triển khai còn gặp nhiều khó khăn; Sức cạnh tranh của các mặt hàng nông nghiệp còn yếu. Xây dựng nông thôn mới đã được tập trung thực hiện quyết liệt, nhưng còn gặp nhiều khó khăn, do thiếu nguồn lực. Kết cấu hạ tầng nông thôn phát triển chưa đồng đều, hạ tầng đô thị chưa đạt nhiều tiêu chí theo qui định.

- Đào tạo nghề còn yếu và chưa gắn với giải quyết việc làm; tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp so với bình quân chung của cả nước. Việc chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất có kết quả bước đầu, nhưng còn ở qui mô nhỏ. Đời sống một bộ phận dân cư còn khó khăn; công tác giảm nghèo chưa bền vững; chất lượng khám, điều trị bệnh và chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu.

- Số lượt người khiếu nại vẫn còn tăng, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân ở một số địa phương còn chậm, nhất là ở cơ sở; ý thức chấp hành luật giao thông của một bộ phận người dân còn yếu..

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 – 2020) của tỉnh Hậu Giang, như sau:

### **1. Mục tiêu tổng quát**

*Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; công nghiệp hóa nông nghiệp, hiện đại hóa nông thôn; phát triển kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực và đẩy mạnh cải cách hành chính; phát triển hài hòa các lĩnh vực văn hóa - xã hội, môi trường; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phấn đấu đến năm 2020 Hậu Giang trở thành tỉnh khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long.*

### **2. Nhiệm vụ chung**

a) Huy động mạnh mẽ các nguồn lực, đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp tục xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

b) Phát triển kinh tế Hậu Giang phải phù hợp với đặc điểm tự nhiên, đặc điểm dân cư, từng bước điều chỉnh tạo sự phát triển hài hòa, hợp lý giữa các

vùng trong tỉnh, thu hẹp dần về khoảng cách và mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn.

c) Khai thác hiệu quả thế mạnh và tiềm năng về nông nghiệp, tạo bước đột phá về công nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ; cải thiện môi trường đầu tư. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm vào các khu vực có thể tạo ra sự đột phá và phát triển nhanh như các khu, cụm công nghiệp tập trung, các đô thị trọng điểm, lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

d) Xây dựng nền văn hóa và con người Hậu Giang đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường vận động các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn với đẩy mạnh ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ; phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm gắn với giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

đ) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội; củng cố tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; chủ động, tích cực tham gia vào liên kết vùng và hội nhập quốc tế.

### **3. Các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm (2016 – 2020)**

#### **a) Lĩnh vực kinh tế**

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân 5 năm (2016 – 2020) trên 7%/năm, trong đó khu vực I: 3%, khu vực II: 13,28%, khu vực III: 8,26%.

(2) Tổng sản phẩm GRDP theo giá hiện hành đến năm 2020 đạt 42.771 tỷ đồng, tăng bình quân 14,78%/năm; GRDP bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 55 triệu đồng/người, tương đương 2.500 USD.

(3) Cơ cấu kinh tế đến năm 2020 là dịch vụ - công nghiệp - xây dựng - nông nghiệp; chuyển dịch theo hướng giảm tương đối tỷ trọng khu vực I từ 33,95% còn 24,34%, tăng tỷ trọng khu vực II từ 21,18% lên 27,38% và khu vực III từ 44,87% lên 48,28 %.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn trong 5 năm 2016 – 2020 theo giá thực tế từ 90.000 - 95.000 tỷ đồng, tăng bình quân 7,95%/năm, bình quân mỗi năm khoảng 18.000 - 19.000 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP còn 49,1% vào năm 2020.

(5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5 năm 28.000-30.000 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 5,2%/năm. Trong đó tổng thu ngân sách nhà nước năm 2020 là 6.500 tỷ đồng (thu nội địa 1.350 tỷ đồng, tăng bình quân 8,4%/năm). Tỷ lệ nợ chính quyền địa phương trên tổng chi ngân sách nhà nước đến năm 2020 dưới 0,31% .

(6) Kim ngạch xuất nhập khẩu và dịch vụ thu ngoại tệ năm 2020 đạt 920 triệu USD, tăng bình quân 12,9%/năm. Giá trị xuất khẩu đến năm 2020 đạt 700 triệu USD, tăng bình quân 11,8%/năm; nhập khẩu 220 triệu USD, tăng bình quân 17%/năm.

(7) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 5 năm (2016 – 2020) dưới 7% (không vượt quá bình quân cả nước).

b) Lĩnh vực văn hóa - xã hội

(8) Dân số trung bình đến năm 2020 khoảng 777.620 người; tỷ lệ tăng dân số trung bình 2‰, trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 10,7 ‰.

(9) Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm trên 2%.

(10) Số lao động được tạo việc làm trong 5 năm là 75.000 lao động, mỗi năm bình quân 15.000 lao động. Đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn 4,2%; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn còn 6%.

(11) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 80% tổng số trường, số sinh viên trên 10.000 người dân là 200 sinh viên; hoàn thành phổ cập trung học phổ thông.

(12) Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 11%; số bác sĩ trên 10.000 người dân là 8 bác sĩ; số giường bệnh trên 10.000 người dân là 34,1 giường; tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế 84,3%; tuổi thọ trung bình 76 tuổi.

(13) Số thuê bao điện thoại/100 dân là 97 điện thoại; số thuê bao Internet băng thông rộng/100 dân đạt 2 thuê bao; diện tích nhà ở bình quân/người 23 – 25 m<sup>2</sup>.

(14) Xây dựng công nhận mới 16 xã nông thôn mới, nâng tổng số xã nông thôn mới lên 28/54 xã, đạt 51,85% tổng số xã.

c) Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững

(15) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 3%.

(16) Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh 95%; tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch 91%.

(17) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị 85%; tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn 100%; tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn 70%.

d) Lĩnh vực quốc phòng và an ninh

(18) Xây dựng lực lượng quân sự, công an chính quy, từng bước hiện đại, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt đúng theo qui định của Quân khu. Hoàn thành tốt công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục quốc phòng và công tác tuyển quân hàng năm.

(19) Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh cải cách tư pháp, kiểm chế sự gia tăng của tội phạm; kéo giảm tai nạn giao thông.

4. Để phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhằm hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2016 – 2020), thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIII, những giải pháp lớn mang tính đột phá của tỉnh được thực hiện thông qua việc xây dựng 04 Chương trình hành động sau:

a) Chương trình đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

b) Chương trình đào tạo nguồn nhân lực, phát triển khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo.

c) Chương trình thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm và giảm nghèo bền vững.

d) Chương trình cải cách hành chính, xây dựng hệ thống chính quyền và phòng chống tham nhũng, lãng phí.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, tổ chức triển khai và vận động quần chúng Nhân dân thực hiện tốt nội dung Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa VIII, kỳ họp thứ 16 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua. /.

**Nơi nhận**

- UBND, VPQH, VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy và các Ban Đảng ;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQ cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *h*



**Đinh Văn Chung**